

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012**

**Hà Nội - Tháng 8 năm 2012**

---

**MỤC LỤC**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	8 - 25
Phụ lục: Bảng tổng hợp giao dịch các bên liên quan	26 - 30

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 đã được soát xét.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1362/2000/QĐ/BTM ngày 03 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) dưới hình thức cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ thuộc Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0500387891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 07 tháng 5 năm 2012.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLIMEX HATAY TRANSPORTATION AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt là: PTS HATAY.

Địa chỉ đăng ký: Km 17, Quốc lộ 6, Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây tại Hòa Bình.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây - Xây lắp và Dịch vụ.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Đàm Quang Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 11/4/2012)
	Ông Trịnh Quang Khanh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 11/4/2012)
	Ông Đào Văn Chiện	Phó Chủ tịch
	Ông Lê Tự Cường	Ủy viên
	Ông Nguyễn Tiến Cường	Ủy viên
	Ông Bùi Quốc Hoài	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 11/4/2012)
	Ông Bùi Ngọc Giá	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 11/4/2012)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Lê Tự Cường	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11/4/2012)
	Ông Đào Văn Chiện	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11/4/2012)
	Ông Nguyễn Tử Bình	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Tiến Cường	Phó Giám đốc
	Bà Dương Tú Oanh	Phó Giám đốc

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

---

**Lê Tự Cường**

**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2012*

Số: /2012/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012  
của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012, được lập ngày 01/8/2012 của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) trình bày từ trang 04 đến trang 30 kèm theo

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến soát xét**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

---

**Nguyễn Quế Dương**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1382/KTV  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)**  
**Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.**  
*Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2012*

---

**Bùi Thị Thúy**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0580/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>35.710.116.762</b>	<b>45.766.254.920</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>2.851.408.844</b>	<b>6.898.369.855</b>
1. Tiền	111		2.851.408.844	6.898.369.855
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>22.903.062.647</b>	<b>28.763.121.358</b>
1. Phải thu khách hàng	131		22.566.358.024	25.878.085.159
2. Trả trước cho người bán	132		105.690.063	2.242.540.632
5. Các khoản phải thu khác	135		231.014.560	642.495.567
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.2	<b>8.028.702.881</b>	<b>8.806.238.228</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.028.702.881	8.806.238.228
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.926.942.390</b>	<b>1.298.525.479</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.3	704.030.186	254.109.935
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		40.252.485	23.391.874
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	1.182.659.719	1.021.023.670
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>30.563.704.609</b>	<b>28.825.641.399</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>28.352.250.966</b>	<b>27.465.928.138</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	26.423.223.181	25.575.681.172
- Nguyên giá	222		59.611.665.221	56.536.902.248
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.188.442.040)	(30.961.221.076)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	1.755.756.238	1.862.854.238
- Nguyên giá	228		2.231.876.653	2.231.876.653
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(476.120.415)	(369.022.415)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	173.271.547	27.392.728
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.211.453.643</b>	<b>1.359.713.261</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	2.211.453.643	1.359.713.261
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>66.273.821.371</b>	<b>74.591.896.319</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>39.462.659.752</b>	<b>46.995.061.121</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>25.344.666.235</b>	<b>32.727.286.936</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	5.862.368.073	20.778.179.518
2. Phải trả người bán	312		10.073.187.026	3.702.186.284
3. Người mua trả tiền trước	313		2.107.248.301	1.946.942.395
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	892.993.042	673.117.147
5. Phải trả người lao động	315		1.167.795.351	616.064.062
6. Chi phí phải trả	316	5.11	482.068.906	348.078.383
9. Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	5.12	4.390.162.210	4.432.727.179
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		368.843.326	229.991.968
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.117.993.517</b>	<b>14.267.774.185</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	5.13	14.106.048.574	14.256.776.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		11.944.943	10.998.185
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>26.811.161.619</b>	<b>27.596.835.198</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.14	<b>26.811.161.619</b>	<b>27.596.835.198</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		16.000.000.000	16.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.051.082.000	1.051.082.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.134.786.841	6.334.786.841
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.237.000.000	1.078.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.388.292.778	3.132.966.357
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (430 = 300+400)	<b>440</b>		<b>66.273.821.371</b>	<b>74.591.896.319</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	TM	30/06/2012	01/01/2012
		VND	VND
4. Nợ khó đòi đã xử lý		478.560.451	478.560.451

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Ngô Thị Vui

Chu Đức Hậu

Lê Tự Cường

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động từ	Kỳ hoạt động từ
			01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		589.631.547.154	599.080.500.505
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.15	589.631.547.154	599.080.500.505
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	571.103.381.457	581.218.617.188
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>18.528.165.697</b>	<b>17.861.883.317</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	28.911.412	43.013.062
7. Chi phí tài chính	22	5.18	2.031.472.370	1.729.654.960
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.031.472.370</i>	<i>1.729.654.960</i>
8. Chi phí bán hàng	24	5.19	9.996.359.679	8.988.692.766
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.717.079.844	4.547.181.991
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>1.812.165.216</b>	<b>2.639.366.662</b>
11. Thu nhập khác	31		55.791.821	1.306.818
12. Chi phí khác	32		-	6.600.000
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>55.791.821</b>	<b>(5.293.182)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>1.867.957.037</b>	<b>2.634.073.480</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.20	479.664.259	658.518.370
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>1.388.292.778</b>	<b>1.975.555.110</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	868	1.235

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Ngô Thị Vui

Chu Đức Hậu

Lê Tự Cường



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động từ	Kỳ hoạt động từ
		01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. <b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>1.867.957.037</b>	<b>2.634.073.480</b>
2. <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.541.538.764	2.366.906.914
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(83.456.867)	(43.013.062)
- Chi phí lãi vay	06	2.031.472.370	1.729.654.960
3. <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>6.357.511.304</b>	<b>6.687.622.292</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	5.681.562.051	853.014.034
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	777.535.347	(4.263.591.611)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	7.270.485.138	16.692.022.811
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.301.660.633)	(519.229.895)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.914.081.686)	(861.754.332)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(522.753.937)	(671.268.788)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.944.162.508	1.500.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.479.504.933)	(1.098.020.953)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD</b>	<b>20</b>	<b>15.813.255.159</b>	<b>18.318.793.558</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.427.861.592)	(4.341.172.072)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	54.545.455	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	28.911.412	43.013.062
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3.344.404.725)</b>	<b>(4.298.159.010)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	23.250.744.246	5.075.664.821
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(38.166.555.691)	(11.292.261.469)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.600.000.000)	(1.920.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(16.515.811.445)</b>	<b>(8.136.596.648)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(4.046.961.011)</b>	<b>5.884.037.900</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>6.898.369.855</b>	<b>1.349.053.257</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>2.851.408.844</b>	<b>7.233.091.157</b>

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2012

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Ngô Thị Vui

Chu Đức Hậu

Lê Tự Cường

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1362/2000/QĐ/BTM ngày 03 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) dưới hình thức cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Dịch vụ thuộc Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0500387891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 07 tháng 5 năm 2012.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	816.000	8.160.000.000	51%
Các cổ đông khác	784.000	7.840.000.000	49%
<b>Tổng</b>	<b>1.600.000</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Địa chỉ đăng ký: Km 17, Quốc lộ 6, Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân: 248 người.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Tổng đại lý bán buôn, bán lẻ xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu và các hàng hóa khác;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu phương tiện vận tải, vật tư thiết bị, phụ tùng ô tô, vật tư thiết bị chuyên dùng xăng dầu;
- Xây lắp, sửa chữa các công trình xăng dầu, thiết bị xăng dầu và các công trình dân dụng khác;
- Vận tải hành khách đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ ăn uống;
- Dịch vụ kho vận, bãi đỗ xe; Dịch vụ sửa chữa phương tiện vận tải;
- Đại lý, kinh doanh mua và bán thiết bị, dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Trồng trọt;
- Chăn nuôi;
- Nuôi trồng thủy sản.

Hoạt động chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 là: Kinh doanh và vận tải xăng dầu.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Năm tài chính/kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT – BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**Từ 01/01/2012**  
**đến 30/6/2012**  
**(số năm)**

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	07 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Thời gian khấu hao là từ 05 đến 20 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ. Trong đó, chi phí công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng; Tiền thuê đất trả tiền trước được phân bổ theo thời gian thuê.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoặc sau khi có quyết định thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Hiện nay, giá bán các mặt hàng xăng dầu trên thị trường được thực hiện theo giá định hướng do Nhà nước qui định thống nhất trên phạm vi cả nước theo từng giai đoạn và có sự điều chỉnh đối với từng vùng, miền. Giá bán mặt hàng xăng dầu do Bộ Tài chính qui định cho từng giai đoạn dựa trên sự biến động của giá xăng dầu nhập khẩu.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam và các công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xăng dầu, vận chuyển đường bộ và lĩnh vực khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.051.079.107	327.395.384
Tiền gửi Ngân hàng	1.800.329.737	6.570.974.471
<b>Tổng</b>	<b>2.851.408.844</b>	<b>6.898.369.855</b>

**5.2 Hàng tồn kho**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	153.058.363	154.535.617
Công cụ, dụng cụ	16.049.000	9.434.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.053.874.370	994.881.356
Hàng hoá	5.805.721.148	7.647.387.255
<b>Tổng</b>	<b>8.028.702.881</b>	<b>8.806.238.228</b>

**5.3 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>Kỳ hoạt động từ</b>	
	<b>01/01/2012 đến</b>	
	<b>30/06/2012</b>	
	<b>VND</b>	
Tại ngày 01 tháng 01		254.109.935
Tăng trong kỳ		1.707.399.983
Phân bổ vào chi phí trong kỳ		1.257.479.732
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>		<b>704.030.186</b>
	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí bảo hiểm phương tiện vận tải	524.248.100	100.805.385
Công cụ dụng cụ	10.649.928	-
Chi phí sửa chữa	157.882.157	153.304.550
Chi phí khác	11.250.000	-
<b>Tổng</b>	<b>704.030.186</b>	<b>254.109.935</b>

**5.4 Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	1.182.659.719	1.021.023.670
<b>Tổng</b>	<b>1.182.659.719</b>	<b>1.021.023.670</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.5 Tài sản cố định hữu hình**

	<i>Đơn vị: VND</i>				
	<b>Nhà cửa VKT</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị DCQL</b>	<b>Tổng</b>
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	<b>12.848.035.318</b>	<b>3.256.327.704</b>	<b>40.120.937.915</b>	<b>311.601.311</b>	<b>56.536.902.248</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>707.973.774</b>	<b>27.487.000</b>	<b>2.546.521.999</b>	-	<b>3.281.982.773</b>
Mua mới trong kỳ	-	27.487.000	2.546.521.999	-	2.574.008.999
XDCB hoàn thành	707.973.774	-	-	-	707.973.774
<b>Giảm trong kỳ</b>	-	-	<b>207.219.800</b>	-	<b>207.219.800</b>
Thanh lý nhượng bán	-	-	207.219.800	-	207.219.800
<b>Số dư tại 30/06/2012</b>	<b>13.556.009.092</b>	<b>3.283.814.704</b>	<b>42.460.240.114</b>	<b>311.601.311</b>	<b>59.611.665.221</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					-
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	<b>5.436.649.181</b>	<b>1.796.008.276</b>	<b>23.461.974.098</b>	<b>266.589.521</b>	<b>30.961.221.076</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>552.756.034</b>	<b>145.164.636</b>	<b>1.723.453.830</b>	<b>13.066.264</b>	<b>2.434.440.764</b>
Khấu hao trong kỳ	552.756.034	145.164.636	1.723.453.830	13.066.264	2.434.440.764
<b>Giảm trong kỳ</b>	-	-	<b>207.219.800</b>	-	<b>207.219.800</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	-	207.219.800	-	207.219.800
<b>Số dư tại 30/06/2012</b>	<b>5.989.405.215</b>	<b>1.941.172.912</b>	<b>24.978.208.128</b>	<b>279.655.785</b>	<b>33.188.442.040</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Tại 01/01/2012</b>	<b>7.411.386.137</b>	<b>1.460.319.428</b>	<b>16.658.963.817</b>	<b>45.011.790</b>	<b>25.575.681.172</b>
<b>Tại 30/06/2012</b>	<b>7.566.603.877</b>	<b>1.342.641.792</b>	<b>17.482.031.986</b>	<b>31.945.526</b>	<b>26.423.223.181</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2012 là 18.194.100.780 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định thể chấp các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/06/2012 là 9.182.320.098 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.6 Tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm kế toán</b>	<b>Tổng</b>
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	<b>2.048.626.653</b>	<b>183.250.000</b>	<b>2.231.876.653</b>
Tăng trong kỳ	-	-	-
Mua trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2012</b>	<b>2.048.626.653</b>	<b>183.250.000</b>	<b>2.231.876.653</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	<b>281.502.533</b>	<b>87.519.882</b>	<b>369.022.415</b>
Tăng trong kỳ	<b>90.733.148</b>	<b>16.364.852</b>	<b>107.098.000</b>
Khấu hao trong kỳ	90.733.148	16.364.852	107.098.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư tại 30/06/2012</b>	<b>372.235.681</b>	<b>103.884.734</b>	<b>476.120.415</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại 01/01/2012</b>	<b>1.767.124.120</b>	<b>95.730.118</b>	<b>1.862.854.238</b>
<b>Tại 30/06/2012</b>	<b>1.676.390.972</b>	<b>79.365.266</b>	<b>1.755.756.238</b>

Quyền sử dụng đất tại Công ty bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, chi phí san lấp mặt bằng tại kho Đồng Mai và một số cửa hàng của Công ty, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao từ 5 đến 20 năm.

**5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Kỳ hoạt động từ

01/01/2012 đến

30/06/2012

VND

Tại ngày 01 tháng 01		27.392.728
Tăng trong kỳ		3.479.051.592
Kết chuyển tài sản cố định		707.973.774
Giảm khác		2.625.198.999
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>		<b>173.271.547</b>
	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>Chi tiết theo công trình</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
San nền khu B	114.598.069	
Cải tạo nhà làm việc	58.673.478	-
Nhà để ô tô khu B	-	27.392.728
<b>Tổng</b>	<b>173.271.547</b>	<b>27.392.728</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09a - DN

**5.8 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>	
Tại ngày 01 tháng 01		1.359.713.261
Tăng trong kỳ		1.519.293.793
Phân bổ vào chi phí		667.553.411
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>		<b>2.211.453.643</b>
	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<i>Theo khoản mục chi phí</i>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền thuê đất, thuê cửa hàng tại các cửa hàng XD	1.461.300.000	703.200.000
Chi phí san lấp mặt bằng ao	118.964.861	-
Chi phí CCDC tại VP Công ty	212.406.605	231.762.894
Chi phí CCDC Xưởng sửa chữa	62.574.205	110.254.468
Chi phí CCDC tại các cửa hàng XD	144.260.497	132.790.479
Các chi phí khác	211.947.475	181.705.420
	<b>2.211.453.643</b>	<b>1.359.713.261</b>

**5.9 Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng ĐT và PT Hà Tây	5.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Hà Tây	-	20.000.000.000
Các cá nhân	862.368.073	778.179.518
<b>Tổng</b>	<b>5.862.368.073</b>	<b>20.778.179.518</b>

**5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	577.389.858	176.431.393
Thuế thu nhập doanh nghiệp	279.664.259	323.890.303
Thuế thu nhập cá nhân	35.938.925	172.795.451
<b>Tổng</b>	<b>892.993.042</b>	<b>673.117.147</b>

**5.11 Chi phí phải trả**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí trích trước về sửa chữa	9.555.787	7.262.947
Chi phí trích trước về xăm lốp	20.435.484	40.542.080
Chi phí phải trả khác	452.077.635	237.273.356
Chi phí thuê cửa hàng	-	63.000.000
<b>Tổng</b>	<b>482.068.906</b>	<b>348.078.383</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09a - DN

**5.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	43.696.853	23.587.986
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.346.465.357	4.409.139.193
<i>Phải trả tiền góp vốn mua xe</i>	<i>2.116.605.326</i>	<i>2.287.019.086</i>
<i>Phải trả tiền thuế đánh giá chênh lệch tài sản</i>	<i>1.989.298.185</i>	<i>1.989.298.185</i>
<i>Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình</i>	<i>117.390.684</i>	-
<i>Phải trả khác</i>	<i>123.171.162</i>	<i>132.821.922</i>
<b>Tổng</b>	<b>4.390.162.210</b>	<b>4.432.727.179</b>

**5.13 Phải trả dài hạn khác**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả tiền theo hợp đồng liên kết	575.876.280	575.876.280
Tiền đặt cọc của Lái xe có tính lãi suất	13.530.172.294	13.680.899.720
<b>Tổng</b>	<b>14.106.048.574</b>	<b>14.256.776.000</b>

**5.14 Vốn chủ sở hữu****a. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	16.000.000.000	16.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày cuối kỳ	16.000.000.000	16.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>1.920.000.000</b>

**b. Cổ phiếu**

	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>1.600.000</b>	<b>1.600.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>		
Cổ phiếu phổ thông	1.600.000	1.600.000
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>		
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	1.600.000	1.600.000

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09a - DN

**5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****c. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>
<b>Số dư tại 01/01/2011</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>1.051.082.000</b>	<b>5.971.852.394</b>	<b>898.000.000</b>	<b>3.517.868.586</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	<b>800.000.000</b>	<b>180.000.000</b>	<b>3.187.511.812</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	3.187.511.812
Trích lập quỹ	-	-	800.000.000	180.000.000	-
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	<b>437.065.553</b>	-	<b>3.572.414.041</b>
Trích lập quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2010	-	-	-	-	1.597.868.586
Chia cổ tức	-	-	-	-	1.920.000.000
Tạm trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2011	-	-	-	-	50.000.000
Trả lãi liên kết	-	-	-	-	4.545.455
Giảm khác	-	-	437.065.553	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>1.051.082.000</b>	<b>6.334.786.841</b>	<b>1.078.000.000</b>	<b>3.132.966.357</b>
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>1.051.082.000</b>	<b>6.334.786.841</b>	<b>1.078.000.000</b>	<b>3.132.966.357</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	-	-	<b>800.000.000</b>	<b>159.000.000</b>	<b>1.388.292.778</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	1.388.292.778
Trích lập quỹ	-	-	800.000.000	159.000.000	-
<b>Giảm trong kỳ</b>	-	-	-	-	<b>3.132.966.357</b>
Trích lập quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2011	-	-	-	-	1.532.966.357
Chia cổ tức	-	-	-	-	1.600.000.000
<b>Số dư tại 30/06/2012</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>1.051.082.000</b>	<b>7.134.786.841</b>	<b>1.237.000.000</b>	<b>1.388.292.778</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.15 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu bán hàng hóa	553.536.065.324	563.508.139.824
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.095.481.830	35.572.360.681
<b>Tổng</b>	<b>589.631.547.154</b>	<b>599.080.500.505</b>

**5.16 Giá vốn hàng bán**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Giá vốn bán hàng hóa	542.812.770.331	552.958.097.210
Giá vốn cung cấp dịch vụ	28.290.611.126	28.260.519.978
<b>Tổng</b>	<b>571.103.381.457</b>	<b>581.218.617.188</b>

**5.17 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lãi tiền gửi	28.911.412	43.013.062
<b>Tổng</b>	<b>28.911.412</b>	<b>43.013.062</b>

**5.18 Chi phí tài chính**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi phí lãi vay	2.031.472.370	1.729.654.960
<b>Tổng</b>	<b>2.031.472.370</b>	<b>1.729.654.960</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.19 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.867.957.037</b>	<b>2.634.073.480</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	50.700.000	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>50.700.000</i>	
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Tổng thu nhập chịu thuế	1.918.657.037	2.634.073.480
Thuế suất áp dụng	25%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)</b>	<b>479.664.259</b>	<b>658.518.370</b>

(\*): Chi phí thuế thu nhập hiện hành cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 đã bao gồm số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm theo các chính sách thuế được áp dụng tại Công ty 6 tháng năm 2010 với số tiền 165.112.596 đồng.

**5.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>1.388.292.778</b>	<b>1.975.555.110</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>1.388.292.778</b>	<b>1.975.555.110</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.600.000	1.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>868</b>	<b>1.235</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**5.21 Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.641.468.938	20.176.168.557
Chi phí nhân công	10.595.970.156	10.460.034.509
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.541.538.764	2.366.906.914
Chi phí dịch vụ mua ngoài	960.621.294	1.179.250.902
Chi phí khác bằng tiền	8.323.444.511	7.468.793.471
<b>Tổng</b>	<b>44.063.043.663</b>	<b>41.651.154.353</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan***Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Tiền lương và các khoản thu nhập khác	806.897.550	696.540.638

*Số dư và Giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty được chi tiết tại Phụ lục kèm theo.***6.2 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: kinh doanh xăng dầu, vận chuyển đường bộ và lĩnh vực khác gồm có kinh doanh phụ tùng, dịch vụ sửa chữa, và dịch vụ khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2012:

Đơn vị tính: VND

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	18.340.977.372	8.867.526.057	230.031.981	27.438.535.410
Xây dựng cơ bản dở dang			27.392.728	27.392.728
Các khoản phải thu	10.178.989.806	17.332.922.419	608.713.566	28.120.625.791
Hàng tồn kho	-	6.282.055.359	2.524.182.869	8.806.238.228
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	10.199.104.162
<b>Tổng tài sản</b>				<b>74.591.896.319</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	14.745.629.414	2.459.996.024	3.037.359.439	20.242.984.877
Phải trả tiền vay		20.778.179.518	-	20.778.179.518
Nợ phải trả không thể phân bổ	-	-	-	5.973.896.726
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>46.995.061.121</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**6.2 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp)**

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011:

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Đơn vị tính: VND Tổng
<b>DOANH THU</b>				
Tổng doanh thu	33.703.992.665	556.686.683.858	8.689.823.982	599.080.500.505
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Doanh thu</b>	<b>33.703.992.665</b>	<b>556.686.683.858</b>	<b>8.689.823.982</b>	<b>599.080.500.505</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>				
Kết quả bộ phận	2.717.813.839	(74.414.125)	(47.046.114)	2.596.353.600
Lãi tiền gửi	-	-	-	43.013.062
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	(5.293.182)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(658.518.370)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>1.975.555.110</b>

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30/06/2012:

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Đơn vị tính: VND Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	19.767.895.452	8.210.645.162	200.438.805	28.178.979.419
Xây dựng cơ bản dở dang	173.271.547			173.271.547
Các khoản phải thu	7.153.748.606	15.786.876.094	1.145.097.666	24.085.722.366
Hàng tồn kho	169.107.363	4.828.557.598	3.031.037.920	8.028.702.881
Tài sản không thể phân bổ				5.807.145.158
<b>Tổng tài sản</b>				<b>66.273.821.371</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	14.401.058.311	10.441.934.153	1.660.000.000	26.502.992.464
Phải trả tiền vay		5.862.368.073		5.862.368.073
Nợ phải trả không thể phân bổ				7.097.299.215
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>39.462.659.752</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**6.2 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp)**

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012:

	Vận tải	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Đơn vị tính: VND Tổng
<b>DOANH THU</b>				
Tổng doanh thu	35.150.343.476	547.074.786.142	7.406.417.536	589.631.547.154
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Doanh thu</b>	<b>35.150.343.476</b>	<b>547.074.786.142</b>	<b>7.406.417.536</b>	<b>589.631.547.154</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>				
Kết quả bộ phận	2.328.178.291	(591.897.835)	46.973.348	1.783.253.804
Lãi tiền gửi	-	-	-	28.911.412
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	-	55.791.821
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(479.664.259)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>1.388.292.778</b>

**6.3 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các loại công cụ tài chính**

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.851.408.844	6.898.369.855
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.797.372.584	26.520.580.726
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.648.781.428</b>	<b>33.418.950.581</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	5.862.368.073	20.778.179.518
Phải trả khách hàng và phải trả khác	28.569.397.810	22.391.689.463
Chi phí phải trả	482.068.906	348.078.383
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.913.834.789</b>	<b>43.517.947.364</b>

### **6.3 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính tùy nhiên Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

#### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

##### *Quản lý rủi ro tỷ giá*

Việc phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ của Công ty là không đáng kể, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

##### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty phát sinh các khoản vay chịu lãi suất là không đáng kể do chỉ phát sinh vay ngắn hạn và thời hạn ngắn, do đó, không có rủi ro lãi suất.

##### *Rủi ro về giá*

Công ty không phát sinh các khoản đầu tư vào công cụ vốn do vậy không chịu rủi ro về giá.

##### *Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa chủ yếu từ các nhà cung cấp trong cùng Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam để phục vụ hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

##### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu là của các khách hàng lâu năm, luân chuyển liên tục, thường xuyên đối chiếu công nợ theo quý và các khách hàng trong cùng Tập đoàn.

#### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp.

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

---

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09a - DN

**6.4 Số liệu so sánh**

Là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011 và số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011 là một phần của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

*Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2012*

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Ngô Thị Vui**

**Chu Đức Hậu**

**Lê Tự Cường**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MẪU 02-B/HN-CTC

**PHỤ LỤC II - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN****BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2012

**Phần II/ Doanh thu dịch vụ; Doanh thu tài chính và Thu nhập khác***Đơn vị tính: Đồng*

STT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Đơn vị mua	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	Doanh thu hoạt động tài chính			Thu nhập khác
					Tổng số	Trong đó:		
						Cổ tức, lợi nhuận tạm tính (nếu có)	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận	
A	B	C	D	1	2	3	4	5
1	XD	11015000	Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	25.179.476.727	-	-	-	-
2	XD	11026000	Công ty Xăng dầu Điện Biên	8.427.270.289	-	-	-	-
3	XD	11007000	Công ty Xăng dầu Bắc Thái	2.539.844	-	-	-	-
4	CP	11056000	Công ty Cổ phần Gas Petrolimex	24.545.454				
			<b>Tổng</b>	<b>33.633.832.314</b>	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MẪU 03/HN-CTC

**PHỤ LỤC II- BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN****BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN KHO HÀNG HÓA MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2012

*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Chỉ tiêu/Đơn vị bán	Xăng dầu	Hóa dầu	Gas, bếp và phụ kiện	Hàng hóa khác
A	B	C	D	1	2	3	4
I			Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho đầu kỳ	5.029.156.051	-	-	-
II			Giá trị hàng hóa mua nội bộ trong kỳ	530.913.907.712	204.050.102	-	-
1	XD	11001000	Công ty Xăng dầu Khu vực I	58.394.375.406	-	-	-
2	XD	11015000	Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	472.519.532.306	-	-	-
3	CP	11024000	Công ty Cổ phần hoá dầu Petrolimex	-	204.050.102	-	-
III			Giá trị hàng hóa mua nội bộ xuất trong kỳ	532.496.054.412	204.050.102	-	-
IV			Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho cuối kỳ	3.447.009.351	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MẪU 04/HN-CTC

**PHỤ LỤC II - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN****BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2012

*Đơn vị tính: Đồng*

Stt	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải thu khách hàng	Trả trước người bán	Phải thu theo tiến độ KHHĐXD	Phải thu khác	Kỹ quỹ ký cược	Cho vay nội bộ
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
			<b>PHẦN I: NGẮN HẠN</b>	<b>7.100.676.305</b>	-	-	-	-	-
1	XD	11015000	Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	5.794.456.429	-	-	-	-	-
2	XD	11026000	Công ty Xăng dầu Điện Biên	1.297.620.179	-	-	-	-	-
3	XD	11042000	Công ty Xăng dầu Quảng Bình	6.000.000	-	-	-	-	-
4	XD	11007000	Công ty Xăng dầu Bắc Thái	2.599.697	-	-	-	-	-
			<b>PHẦN II: DÀI HẠN</b>	-	-	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MẪU 05/HN-CTC

**PHỤ LỤC II - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN****BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải trả người bán	Người mua trả trước	Phải trả theo tiến độ KH HĐXD	Phải trả phải nộp khác	Nhận ký quỹ ký cược	Vay và nợ nội bộ
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
			<b>PHẦN I: NGẮN HẠN</b>	<b>9.837.626.683</b>	-	-	-	-	-
1	XD	11001000	Công ty Xăng dầu Khu vực I	2.255.441.716	-	-	-	-	-
2	XD	11015000	Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	7.511.893.089	-	-	-	-	-
3	CP	11024000	Công ty Cổ phần hoá dầu Petrolimex	70.291.878					
			<b>PHẦN II: DÀI HẠN</b>	-	-	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HÀ TÂY**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

MẪU 06/HN-CTC

**PHỤ LỤC II - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN****BÁO CÁO CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2012

STT	Mã đơn vị	Đối tượng cho vay	Gốc vay				Phân loại thời hạn hoàn trả của gốc vay theo thời gian		
			01/01/2011	Nhận tiền vay	Trả nợ gốc	31/12/2011	Trong năm 2012	Trong năm 2013	Trong năm 2014
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
I		Vay và nợ nội bộ tập đoàn	-	-	-	-	-	-	-
II		Vay và nợ Ngân hàng, TCTD khác	20.000.000.000	22.000.000.000	37.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
	1	Ngân hàng TMCP Công Thương - C.nhánh Hà Tây	20.000.000.000	7.000.000.000	27.000.000.000	-	-	-	-
	2	NH Đầu tư và Phát triển Hà Tây		15.000.000.000	10.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000		
		<b>Tổng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>37.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	-	-

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2012

Giám đốc

Ngô Thị Vui

Chu Đức Hậu

Lê Tự Cường